TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2021/QĐST-HNGĐ	*NL, ngày 20 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Chị Phạm Thị **H** Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn **TH**(nay là thôn **MH**), xã **MS**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

- Anh Trịnh Đình **L** Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn **TH**(nay là thôn **MH**), xã **MS**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị **H** và anh Trịnh Đình **L**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Đình **V**, sinh ngày 15/7/1994 và cháu Trịnh Đình **VN**, sinh ngày 27/8/1995. Hiện các con đã trưởng thành. Chị **H**, anh **L** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị **H**, anh **L** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí DSST: Chị Phạm Thị **H** phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, do chị **H** tự nguyện chịu toàn bộ án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011634 ngày 24/11/2020. Chị **H** được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.850.000đ (Năm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện **NL**;
- UBND xã **MS**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tân